

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Phạm Quốc Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Văn
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Ông Lê Hùng T1, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ 11, khu phố 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2019, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hùng T1 sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước, không có tổ chức lễ cưới nhưng được sự đồng ý của hai bên gia đình; sau khi kết hôn bà T và ông T1 sinh sống tại khu phố 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phá sản; mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra ông T1 mỗi lần đi nhậu về là kiểm soát gây chuyện, còn áp lực

từ phía gia đình nhà chồng, bà T cũng đã có lần một đơn ly hôn tại Tòa án và rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không thành. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với ông Lê Hùng T1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Quốc Tr, sinh năm: 1994 và Lê Hoàng Th, sinh năm: 2000, nay ly hôn các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn của bà T, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T1 nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh Ph ú không hợp tác, không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa Tuy nhiên, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã tham gia đúng thành phần và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:* bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hùng T1, ông T1 có nơi cư trú khu phố 01, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T1 nhưng ông T1 không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T1 cũng vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hùng T1, theo lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì nguyên nhân mâu thuẫn chính để chị yêu cầu xin ly hôn với ông T1 là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ông T1 mỗi lần đi nhậu về là kiếm cớ gây chuyện, ngoài ra còn áp lực từ phía gia đình nhà chồng, bà T cũng đã có lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án và rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không thành hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau, không ai quan tâm ai nữa; theo biên bản xác minh được ban áp xác nhận thì không biết nguyên nhân mâu thuẫn nhưng bà T cũng đã nộp đơn xin ly hôn tại tòa án, hiện nay thì vợ chồng ly thân không ai quan tâm ai nữa. Điều này cho thấy tình cảm giữa hai vợ chồng bà T và ông T1 thực sự đã mâu thuẫn trầm trọng; hơn nữa, Tòa án đã triệu tập ông T1 nhiều lần đến tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T1 không chấp hành và tại phiên tòa hôm nay ông T1 cũng vắng mặt không có lý do, thể hiện ông T1 không còn quan tâm gì đến tình cảm giữa ông và bà T nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có căn cứ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các đương sự sau này cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Lê Quốc Tr, sinh năm: 1994 và Lê Hoàng Th, sinh năm: 2000, con chung đã trưởng thành nên Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: nguyên đơn không yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[5] *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có nên không giải quyết.

[6] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[7] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 217, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Nguyễn Thị T Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lê Hùng T1.
2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên Tòa án không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: nguyên đơn khai không còn nên không giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001713 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Đường sự;
- UBND thị trấn T, h.H;
- Lưu: VT,HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)
 Nguyễn Đình Học